（令和6年2月作成） <Lập vào tháng 2/2024>

かかみがはらし
# 各務原市
# Thành phố Kakamigahara

ぜんいきばん
**全域版**
**Phiên bản toàn khu vực**

# 洪水（川から まちに 水が 来ること）ハザードマップ
# Bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt

**ベトナム語版**
**Tiếng Việt**

## 何年かに 一度 降る 大雨
## Mưa có quy mô theo kế hoạch




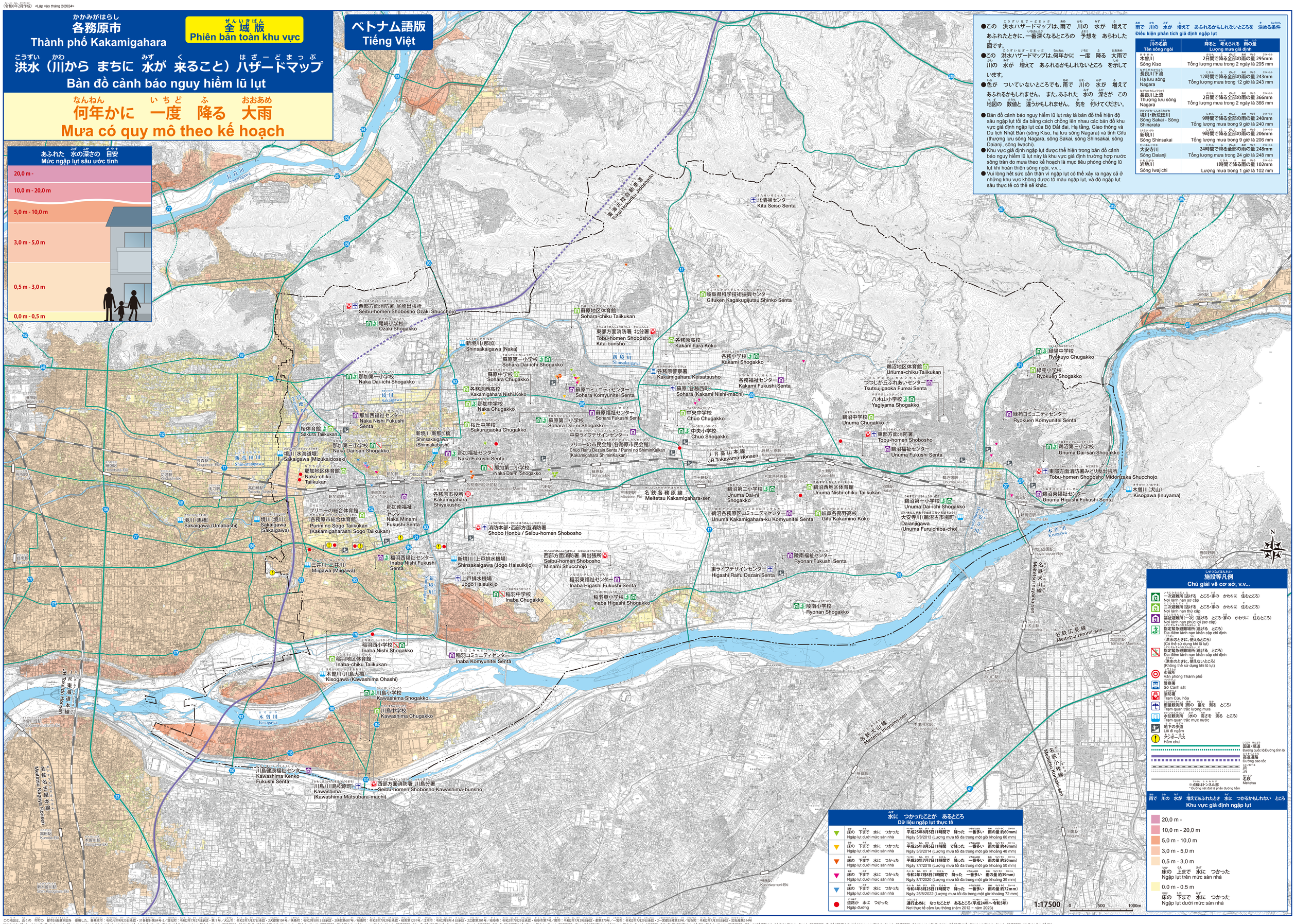


●この 洪水ハザードマップは、雨で 川の 水が 増えて あふれたときに、一番深くなるところの 予想を あらわした 図です。
●この 洪水ハザードマップは、何年かに 一度 降る 大雨で 川の 水が 増えて あふれるかもしれないところ を示しています。
●色が ついていないところでも、雨で 川の 水が 増えて あふれるかもしれません。 また、あふれた 水の 深さが この 地図の 数値と 違うかもしれません。 気を 付けてください。

● Bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt này là bản đồ thể hiện độ sâu ngập lụt tối đa bằng cách chồng lên nhau các bản đồ khu vực giả định ngập lụt của Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (sông Kiso, hạ lưu sông Nagara) và tỉnh Gifu (thượng lưu sông Nagara, sông Sakai, sông Shinsakai, sông Daianji, sông Iwachi).
● Khu vực giả định ngập lụt được thể hiện trong bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt này là khu vực giả định trường hợp nước sông tràn do mưa theo kế hoạch là mục tiêu phòng chống lũ lụt khi hoàn thiện sông ngòi, v.v...
● Vui lòng hết sức cẩn thận vì ngập lụt có thể xảy ra ngay cả ở những khu vực không được tô màu ngập lụt, và độ ngập lụt sâu thực tế có thể sẽ khác.

**雨で 川の 水が 増えて あふれるかもしれないところを 決める条件**
**Điều kiện phân tích giả định ngập lụt**

| 川の名前 Tên sông ngòi | 降ると 考えられる 雨の量 Lượng mưa giả định |
|---|---|
| 木曽川 Sông Kiso | 2日間で降る全部の雨の量 295mm Tổng lượng mưa trong 2 ngày là 295 mm |
| 長良川下流 Hạ lưu sông Nagara | 12時間で降る全部の雨の量 243mm Tổng lượng mưa trong 12 giờ là 243 mm |
| 長良川上流 Thượng lưu sông Nagara | 2日間で降る全部の雨の量 366mm Tổng lượng mưa trong 2 ngày là 366 mm |
| 堺川・新荒田川 Sông Sakai - Sông Shinarata | 9時間で降る全部の雨の量 240mm Tổng lượng mưa trong 9 giờ là 240 mm |
| 新堺川 Sông Shinsakai | 9時間で降る全部の雨の量 206mm Tổng lượng mưa trong 9 giờ là 206 mm |
| 大安寺川 Sông Daianji | 24時間で降る全部の雨の量 248mm Tổng lượng mưa trong 24 giờ là 248 mm |
| 岩地川 Sông Iwajichi | 1時間で降る雨の量 102mm Lượng mưa trong 1 giờ là 102 mm |

**施設等凡例**
**Chú giải về cơ sở, v.v...**

- 一次避難所（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ） Nơi lánh nạn sơ cấp
- 二次避難所（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ） Nơi lánh nạn thứ cấp
- 福祉避難所（一次（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ） Nơi lánh nạn phúc lợi (sơ cấp)
- 指定緊急避難場所（逃げる ところ） Địa điểm lánh nạn khẩn cấp chỉ định
  （洪水のときに、使えるところ） (Có thể sử dụng khi lũ lụt)
- 指定緊急避難場所（逃げる ところ） Địa điểm lánh nạn khẩn cấp chỉ định
  （洪水のときに、使えないところ） (Không thể sử dụng khi lũ lụt)
- 市役所 Văn phòng Thành phố
- 警察署 Sở Cảnh sát
- 消防署 Trạm Cứu hỏa
- 雨量観測所（雨の 量を 測る ところ） Trạm quan trắc lượng mưa
- 水位観測所（水の 高さを 測る ところ） Trạm quan trắc mực nước
- 地下の歩道 Lối đi ngầm
- アンダーパス Hầm chui

国道・県道 Đường quốc lộ/Đường tỉnh lộ
高速道路 Đường cao tốc
JR
名鉄 Meitetsu
※点線はトンネル部 * Đường nét đứt là phần đường hầm

**雨で 川の 水が 増えてあふれたとき 水に つかるかもしれない ところ**
**Khu vực giả định ngập lụt**

- 20,0 m -
- 10,0 m - 20,0 m
- 5,0 m - 10,0 m
- 3,0 m - 5,0 m
- 0,5 m - 3,0 m
- 0.0 m - 0.5 m
  床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà

**水に つかったことが あるところ**
**Dữ liệu ngập lụt thực tế**

| | |
|---|---|
| 床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà | 平成25年8月5日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約60mm） Ngày 5/8/2013 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 60 mm) |
| 床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà | 平成26年8月5日（1時間 で降った 一番多い 雨の量 約48mm） Ngày 5/8/2014 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 48 mm) |
| 床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà | 平成30年7月7日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約50mm） Ngày 7/7/2018 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 50 mm) |
| 床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà | 令和2年7月8日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約39mm） Ngày 8/7/2020 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 39 mm) |
| 床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà | 令和4年8月25日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約72mm） Ngày 25/8/2022 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 72 mm) |
| 道路が 水に つかった Ngập đường | 通行止めに なったことが あるところ（平成24年～令和5年） Nơi thực tế cấm lưu thông (năm 2012 – năm 2023) |

1:17500 0 500 1000m

この地図は、近くの 市町の 都市計画基本図を 使用した。各務原市：令和2年9月25日承認・31各都計第84号 2.笠松町：令和2年7月27日承認・第1号／大江市：令和2年7月27日承認・2次都第104号／扶桑町：令和2年8月3日承認・2扶都第007号／岐南町：令和2年7月29日承認・岐都市第7号／関市：令和2年7月29日承認・都第170号／一宮市：令和2年7月29日承認・2一宮都計発第33号／坂祝町：令和2年7月30日承認・加茂都第514号
Khi lập bản đồ này, chúng tôi đã sử dụng bản đồ cơ sở quy hoạch thành phố của các thành phố và thị trấn lân cận. Thành phố Kakamigahara: Phê duyệt ngày 25/9/2019 - 31 Ka To Kei Số 84-2/Thị trấn Kasamatsu: Phê duyệt ngày 27/7/2020 - Số 1/Thành phố Inuyama: Phê duyệt ngày 27/7/2020 - 2 Inu To Số 104/Thị trấn Fuso: Phê duyệt ngày 3/8/2020 - 2 Fu To Số 607/Thị trấn Ginan: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - Ginan Số 1291/Thành phố Konan: Phê duyệt ngày 4/8/2020 - 2 Ko To Số 201/Thành phố Gifu: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - Gifu-shi Số 7/Thành phố Seki: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - To Số 170/Thành phố Ichinomiya: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - 2 Ichinomiya To Kei Hatsu Số 33/Thị trấn Sakahogi: Phê duyệt ngày 30/7/2020 - Ka Saka San Số 514